

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ - ST
Ngày 27 - 01 - 2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mua.

2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trương Minh Tấn – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2020/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tố Tr, sinh năm: 1995 - *có mặt*

- Bị đơn: Anh Trương Thanh H, sinh năm: 1994 - *có mặt*

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Tố Tr trình bày: Chị Tr và anh H tổ chức lễ cưới vào khoảng tháng 9/2014, hôn nhân do quen biết, được cha mẹ hai bên đồng ý, anh chị

tự nguyện với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B vào ngày 08/9/2014.

Thời gian chung sống hạnh phúc của vợ chồng được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 09 năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Trong quá trình sống chung chị Tr và anh H có một người con chung tên là Trương Gia H, sinh ngày 22/12/2014. Hiện nay cháu H do chị Tr nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Tr không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Nay chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh H; về con chung: chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung cháu Trương Gia H, sinh ngày 22/12/2014 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Tr không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra chị Tr không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

- Bị đơn là anh Trương Thanh H trình bày: Anh H thống nhất lời trình bày của chị Tr về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do trong cuộc sống hai bên mâu thuẫn về tiền bạc, nên đã ly thân từ khoảng tháng 09 năm 2020 cho đến nay.

Nay anh H không đồng ý ly hôn với Tr vì còn thương vợ và con. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị Tr với anh H thì về con chung: anh H đồng ý giao con chung tên Trương Gia H, sinh ngày 22/12/2014 cho chị Tr nuôi dưỡng, anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: anh H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra anh H không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:

Do vụ việc không thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình không có ý kiến và không tham gia phiên tòa sơ thẩm trong vụ việc này.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/01/2021.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Chị Tr và anh H trên cơ sở quen biết và được sự đồng ý của gia đình, chị Tr và anh H tổ chức lễ cưới vào khoảng năm 2014 và đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2014 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Đây là hôn nhân hợp pháp và không phải chứng minh.

+ Về con chung: Chị Tr và anh H có một người con chung tên là Trương Gia H, sinh ngày 22/12/2014. Theo Giấy khai sinh của Trương Gia H, sinh ngày 22/12/2014 thì xác định anh H và chị Tr là cha, mẹ ruột của cháu Trương Gia H nên tình tiết, sự kiện này đương sự không cần phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự không thống nhất:

+ Chị Trinh yêu cầu ly hôn với anh Trương Thanh H.

+ Anh H yêu cầu đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh H là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ việc:

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Tr và anh H là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tin tưởng nhau, thường xảy ra cự cãi. Từ khi ly

thân cho đến nay chị Tr và anh H không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không tự hàn gắn được với nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị Tr và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Tr về việc yêu cầu ly hôn với anh H. Cho chị Trinh được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Anh H đồng ý giao con chung là Trương Gia H, sinh ngày 22/12/2014 cho chị Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là Trương Gia H mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Tr và anh H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

- Anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2; Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Tố Tr.

1.1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tố Tr được ly hôn với anh Trương Thanh H.

1.2. Về con chung: Giao cháu Trương Gia H, sinh ngày 22/12/2014 cho chị Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung là Trương Gia H mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Tr và anh H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Lê Thị Tố Tr phải chịu số tiền 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số N 0010600 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị Tr không phải nộp thêm.

- Buộc anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Tr, anh H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- UBND xã A;
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cảnh